

Bản án số: 40/2023/HS-PT
Ngày 18 - 5 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trọng.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thúy Mai.

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ánh Nguyệt - Kiểm sát V1.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 53/2023/TLPT-HS ngày 28 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo Lê Hồng T và đồng phạm, do có kháng cáo của bị cáo Lê Hồng T và bị cáo Nguyễn Duy V, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2023/HSST ngày 22 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Hồng T, sinh ngày 15 tháng 10 năm 1957; hộ khẩu thường trú tại phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; cư trú tại: Thôn X1, xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/10; Đảng, đoàn thể: Không; con ông: Lê M và bà Nguyễn Thị M1 (đều đã chết); có vợ là Trương Thị H và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, “vắng mặt”.

2. Nguyễn Duy V, sinh ngày 10 tháng 12 năm 1982 tại xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; cư trú tại: Thôn Đ, xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Mỹ N và bà Dương Thị N1; có vợ là Dương Thị H1 và chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, “có mặt”.

Ngoài ra, trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09/11/2020, Lê Hồng T (là công nhân nhà máy Pin cao su Xuân Hòa đã nghỉ hưu) đi xuống Hà Nội mua được 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme cũ tại một cửa hàng mua bán điện thoại (T không nhớ vị trí cụ thể của cửa hàng này). Khi về nhà T truy cập vào thư mục hình ảnh của điện thoại di động Realme thì thấy có nhiều hình ảnh chụp các tờ giấy có ghi các số lô, số đề nên T nảy sinh ý định bán số lô, số đề để thu lời bất chính. Từ ngày 12/11/2020, T bắt đầu bán số lô, số đề cho khách, T thống nhất với các đối tượng mua lô, đề như sau: 01 điểm lô T bán ra với giá 22.000 đồng hoặc 22.500 đồng hoặc 21.800 đồng, tùy vào đối tượng khách mua, kết quả trúng lô sẽ lấy kết quả của 2 số cuối các giải của xổ số kiến thiết miền Bắc ngày hôm đó để tính, nếu trúng một điểm lô sẽ được 80.000 đồng. Đối với số đề sẽ tính theo 2 số cuối của giải đặc biệt tại kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc ngày hôm đó, nếu trúng thì đánh 1.000 đồng sẽ được hưởng 80.000 đồng. Đối với số ba càng sẽ tính theo 03 số cuối của giải đặc biệt tại kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc ngày hôm đó, nếu trúng được nhân với 400 lần số tiền bỏ ra; lô xiên 3 nhân 40 lần số tiền bỏ ra.

- Ngày 12 tháng 11 năm 2020 T bán số lô, số đề cho 11 người, cụ thể như sau:

1. Vũ T L, sinh năm 1947 ở phường X, thành phố P: Các số đề đầu 0 (Gồm các số 00, 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09) mỗi số 22.000 đồng; số đề đít 0 (Gồm các số 00, 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90) mỗi số 12.000 đồng; 62 là 50.000 đồng; 01, 10 mỗi số 32.000 đồng; ba càng 301, 310 mỗi số 22.000 đồng; số đề 39, 93, 26, 35, 53, 89, 98, 19, 91 mỗi số 5.000 đồng; 69, 96, 36, 63 mỗi số là 4.000 đồng; 59, 93, 68, 86, 78, 87, 13, 31, 05, 50, 23, 32, 37, 73, 57, 75, 00 mỗi số là 3.000 đồng. Số lô 16, 61, 24 mỗi số 10 điểm (01 điểm lô T bán với giá 22.000 đồng); lô xiên 3: 61- 24 - 68 là 50.000 đồng. Tổng tiền L đã T toán mua số lô, số đề của T là 1.320.000 đồng. Tiền L trúng thưởng số lô 16 được 800.000 đồng, T đã trả đủ cho L 800.000 đồng.

2. Lê Xuân V1, sinh năm 1956 ở xã C, thành phố P: Các số đề 00, 11, 34, 89, 98, 86, 82, 81, 15, 37, 03, 40, 98, 87, 28, 38, 84, 90, 50 mỗi số là 5.000 đồng; 26, 45, 18, 51, 39, 30 mỗi số là 3.000 đồng; 59, 70, 92 mỗi số 3.000 đồng; 06, 60 mỗi số 5.000 đồng; 99 là 50.000 đồng; 88 là 40.000 đồng; 77 là 35.000 đồng; 22, 33 mỗi số 20.000 đồng; 80 là 18.000 đồng; 44, 55 mỗi số là 15.000 đồng; 08 là 10.000 đồng; 02 là 13.000 đồng; 66, 78, 48, 58, 68, 73 mỗi số là 8.000 đồng; 85, 06, 04, 67, 20 mỗi số 6.000 đồng; 83 là 10.000 đồng; 72 là 8.000 đồng. Tổng số tiền V1 đã T toán mua số đề cho T là 464.000 đồng. V1 không trúng thưởng.

3. Nguyễn Duy V, sinh năm 1982 ở xã C, thành phố P: Các số đề 28, 82, 27, 72, 00, 55, 69, 96 mỗi số là 50.000 đồng; số lô 16, 61 mỗi số là 30 điểm (01 điểm lô = 22.500 đồng). Tổng số tiền V đã T toán mua số lô, số đề của T là 1.750.000 đồng. V trúng số lô 16 là 30 điểm lô được 2.400.000 đồng. T đã trả cho V 2.400.000 đồng.

4. Người đàn ông tên Tân (không rõ họ tên đệm, tuổi địa chỉ cụ thể): Số đề

95 là 20.000 đồng; số đề 96, 60 mỗi số 10.000 đồng; số đề ba càng 295 là 5.000 đồng; 296 là 2.000 đồng. Tổng số tiền Tân mua số đề và đã T toán cho T là 47.000 đồng. Tân không trúng thưởng.

5. Người đàn ông tên Vượng (không rõ họ tên đệm, tuổi địa chỉ cụ thể): Các số đề 24, 29, 82, 87, 84, 47 mỗi số 10.000 đồng; số lô 42 là 5 điểm, lô 69 là 5 điểm (22.000 đồng/1 điểm lô); Lô xiên 3: 24- 29 - 47 là 10.000 đồng. Tổng số tiền Vượng mua số lô, số đề của T là 290.000 đồng - đã T toán đủ. Vượng trúng số lô 42 được 400.000 đồng, Vượng đã nhận 400.000 đồng.

6. Người đàn ông tên Hoa (không rõ họ tên đệm, tuổi địa chỉ cụ thể): Số đề 68 là 2.000 đồng; số lô 41, 17, 13, 31, 16, 61 mỗi số 2 điểm, số lô 11 là 4 điểm (22.000 đồng/1 điểm lô); Tổng số tiền Hoa mua số lô, số đề của T là 354.000 đồng - đã T toán. Hoa trúng số lô 13 về 2 lần và số lô 16 được 480.000 đồng – đã trả đủ tiền.

7. Người đàn ông tên Liêm (không rõ họ tên đệm, tuổi địa chỉ cụ thể): Các số đề 02, 03, 04, 11, 14, 15, 26, 29, 30, 37, 40, 41, 42, 45, 47, 49, 53, 56, 63, 64, 66, 71, 91, 95, 42 mỗi số là 5.000 đồng, số đề 48, 84 mỗi số 10.000 đồng; Số lô 48, 84 mỗi số 4 điểm (22.000 đồng/01 điểm lô); Tổng số tiền Liêm mua số lô, số đề của T là 321.000 đồng, đã T toán. Liêm không trúng thưởng.

8. Người đàn ông tên Nghị (không rõ họ tên đệm, tuổi địa chỉ cụ thể): Số đề 10 là 4.000 đồng; số lô 71 là 2 điểm (22.000 đồng/01 điểm lô); Tổng số tiền Nghị mua số lô, số đề là 48.000 đồng, đã T toán đủ. Nghị trúng số lô 71 được 160.000 đồng, T đã T toán đủ tiền trúng thưởng.

9. Người đàn ông tên Kế (không rõ họ tên đệm, tuổi địa chỉ cụ thể): Các số đề 90, 45, 70, 89, 72 mỗi số là 10.000 đồng. Tổng số tiền ông Kế mua là 50.000 đồng, đã T toán đủ cho T. Kế không trúng thưởng.

10. Một người nam giới **T** chỉ ghi là T, T không rõ tên tuổi cụ thể và địa chỉ nhà ở đâu: Số lô 16, 61 mỗi số 10 điểm; số lô 08, 80 mỗi số 8 điểm (Một điểm lô T bán với giá 22.500 đồng). Tổng số tiền người nam giới T mua số lô của T là 810.000 đồng, đã T toán đủ cho T. Tiền T trúng thưởng số lô 80, số lô 16 được **1.440.000** đồng, đã trả đủ tiền trúng thưởng.

11. Một người nam giới tên **T** (không rõ họ tên đệm, tuổi địa chỉ cụ thể) các số đề 56, 65 mỗi số là 10.000 đồng, người này đã trả T **20.000** đồng. T không trúng thưởng.

Tổng số tiền T bán số lô, số đề ngày 12 tháng 11 năm 2020 là: 1.320.000 đồng + 464.000 đồng + 1.750.000 đồng + 47.000 đồng + 290.000 đồng + 354.000 đồng + 321.000 đồng + 48.000 đồng + 50.000 đồng + 810.000 đồng + 20.000 đồng = 5.474.000 đồng. Tổng số tiền các con bạc trúng thưởng là: 800.000 đồng + 2.400.000 đồng + 400.000 đồng + 480.000 đồng + 1.440.000 đồng + 160.000 đồng = 5.680.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền T đánh bạc ngày 12 tháng 11 năm 2020 là 5.474.000 đồng + 5.680.000 đồng = 11.154.000 đồng.

- Ngày 13 tháng 11 năm 2020, T bán số lô, số đề cho 15 người sau đây:

1. Đặng Văn B, sinh năm 1926 ở xã C, Thành phố P: Số lô 28, 11, 04 mỗi số 01 điểm (1 điểm lô = 23.000 đồng), Biểu đã trả đủ T 69.000 đồng. Biểu trúng số lô 04 được 80.000 đồng, T đã trả số tiền 80.000 đồng cho Biểu.

2. Dương Văn Q, sinh năm 1987 ở xã C, thành phố P: Các số lô 02, 03, 04, 05, 07, 08, 09, 60, 70, 80 mỗi số 10 điểm (1 điểm lô = 22.500 đồng). Tổng số tiền mua số lô là 2.250.000 đồng, Quyền đã trả trước cho T 1.050.000 đồng và nợ lại 1.200.000 đồng. Sau khi so sánh kết quả thì Quyền trúng số lô 02 và 04 thành tiền là 1.600.000 đồng, trừ đi số tiền Quyền còn thiếu thì T đã trả đủ cho Quyền số tiền 400.000 đồng.

3. Vũ T L, sinh năm 1947 ở phường X, Thành phố P: Các số lô 15, 92, 31 mỗi số 10 điểm (22.500 đồng/1 điểm lô); các số đề 39, 93, 91, 59, 95 mỗi số 5.000 đồng; số đề 62, 19, 13, 31, 69, 96, 67, 23, 32 mỗi số 4.000 đồng; số đề 08, 80, 76, 37, 73 mỗi số 3.000 đồng; 03, 30 mỗi số 25.000 đồng; 09, 90 mỗi số 23.000 đồng; 07, 70 mỗi số 20.000 đồng; 35, 53 mỗi số 25.000 đồng. Tổng tiền L mua số lô, số đề là 937.000 đồng, L đã trả đủ. L trúng thưởng số lô 31 được 800.000 đồng, T đã trả đủ.

4. Nguyễn Văn T2, sinh năm 1973 ở xã C, thành phố P: Số đề 35, 53 mỗi số 10.000 đồng, tổng là 20.000 đồng, T2 đã trả đủ số tiền này cho T. Sau khi so sánh kết quả thì T2 không trúng.

5. Lê Xuân V, sinh năm 1956 ở xã C, Thành phố P: Các số đề 99 là 55.000 đồng; 88 là 45.000 đồng; 77 là 30.000 đồng; 33 là 25.000 đồng; 44, 22, 80 mỗi số là 20.000 đồng; 08, 48, 68, 83, 02 mỗi số 10.000 đồng; 67, 58, 38, 20 mỗi số 8.000 đồng; 66, 00, 73, 84, 85, 28, 81, 18 mỗi số 5.000 đồng; 89, 98, 78, 87, 90, 72, 86, 04, 40, 53, 60 mỗi số 5.000 đồng; 45, 30, 27 mỗi số 4.000 đồng; 93, 12, 75, 59, 51, 31, 13, 25, 52, 82, 76, 09 mỗi số 3.000 đồng; 55 là 15.000 đồng.

Tổng số tiền mua số đề là 476.000 đồng, V1 đã trả đủ. V1 trúng số đề 87 được 400.000 đồng, T đã trả V1 400.000 đồng.

6. Người đàn ông tên Thức (không rõ họ tên đệm, tuổi, địa chỉ cụ thể): Các số lô 20 là 6 điểm; 02 là 4 điểm (01 điểm lô T bán giá 21.800 đồng). Các số đề, số đề có 7 (Gồm 19 số) mỗi số 15.000 đồng; 57, 67, 97, 87, 17 mỗi số 15.000 đồng; 57 là 130.000 đồng; 76, 67, 74 mỗi số 20.000 đồng; 70, 71, 75, 78, 17 mỗi số 10.000 đồng; 79, 87 mỗi số 5.000 đồng; 78, 76 mỗi số 35.000 đồng; 37 là 70.000 đồng; 73 là 50.000 đồng; 07, 70 mỗi số 80.000 đồng; 03, 30 mỗi số 25.000 đồng; 33, 00 mỗi số 50.000 đồng; 31, 63, 36 mỗi số 30.000 đồng; các số đề có 0 (Gồm 19 số) mỗi số 10.000 đồng.

Tổng số tiền mua số lô, số đề là 1.608.000 đồng, Thức đã trả đủ. Thức trúng số lô 02 được 320.000 đồng; số đề 87 được 2.800.000 đồng. T đã trả đủ tiền trúng thưởng là 3.120.000 đồng cho Thức.

7. Nguyễn Duy V, sinh năm 1982 ở xã C, Thành phố P: Số lô 38 và 83 mỗi số 55 điểm (Một điểm lô T bán với giá 22.500 đồng), tổng số điểm lô là 110 điểm, thành tiền là 2.475.000 đồng. Các số đề 20, 30, 40, 60, 70, 80, 10 mỗi số 50.000 đồng; 02, 03, 04, 06, 07, 08, 01, 09, 90 mỗi số 30.000 đồng, số đề 90 là 30.000 đồng.

Tổng số tiền T bán số lô, đề cho V là 3.125.000 đồng. V trả trước cho T số tiền 2.765.000 đồng, và nợ lại 360.000 đồng. Tiền V trúng thưởng số lô 38 được 4.400.000 đồng. V đã lấy tiền trúng thưởng, trừ đi số tiền nợ là 360.000 đồng nên T đã trả đủ cho V 4.040.000 đồng.

8. Người đàn ông tên Quang (không rõ họ tên đệm, tuổi, địa chỉ cụ thể): Các số lô 22, 11, 89, 98, 15, 51, 13 mỗi số 0,5 điểm (1 điểm lô T bán giá 22.000 đồng); các số đề 61, 18, 81, 11, 66 mỗi số 1.000 đồng; 06, 60 mỗi số 5.000 đồng; số đề cặp 06 (Gồm các số 06, 60, 15, 51, 33, 24, 42, 97, 79, 88) mỗi số 1.000 đồng. Tổng số tiền mua số lô, số đề là 102.000 đồng, Quang đã trả đủ. Quang trúng số lô 22, 89 được 80.000 đồng, T đã trả đủ cho Quang.

9. Người đàn ông tên Hoa (không rõ họ tên đệm, tuổi, địa chỉ cụ thể): Các số đề 05, 50 mỗi số 10.000 đồng; 31, 36, 06, 02, 26, 56, 30, 65 mỗi số 5.000 đồng; số lô 44, 61 mỗi số 02 điểm (01 điểm lô = 23.000 đồng). Tổng tiền mua số lô, số đề là 106.000 đồng, Hoa đã trả đủ tiền. Hoa không trúng thưởng.

10. Người đàn ông tên Tân (không rõ họ tên đệm, tuổi, địa chỉ cụ thể) Các số đề 95, 29, 92, 45 mỗi số 10.000 đồng; Tổng tiền mua số đề là 40.000 đồng, Tân đã trả đủ tiền. Tân không trúng thưởng.

11. Người đàn ông tên Vượng (không rõ họ tên đệm, tuổi, địa chỉ cụ thể): Các số đề 67, 76, 34, 84, 36, 63, 68 mỗi số 10.000 đồng; số lô 67 là 5 điểm (01 điểm lô = 22.000 đồng). Tổng tiền mua số lô, số đề là 180.000 đồng, Vượng đã trả đủ tiền. Vượng không trúng thưởng.

12. Người đàn ông tên Hình (không rõ họ tên đệm, tuổi, địa chỉ cụ thể): Các số đề 92, 08 mỗi số 5.000 đồng; Hình đã trả đủ 10.000 đồng cho T và không trúng thưởng.

13. Người đàn ông tên Hùng (không rõ họ tên đệm, tuổi, địa chỉ cụ thể): Số đề 72 là 20.000 đồng; 02, 84, 85 mỗi số 10.000 đồng. Hùng đã trả đủ 50.000 đồng cho T và không trúng thưởng.

14. Người đàn ông tên Anh (không rõ họ tên đệm, tuổi, địa chỉ cụ thể): Số đề 97, 79 mỗi số 10.000 đồng; 49, 94 mỗi số 50.000 đồng. Anh đã trả đủ 120.000 đồng cho T và không trúng thưởng.

15. Người đàn ông tên Sáu (không rõ họ tên đệm, tuổi, địa chỉ cụ thể): Số đề 67, 76 mỗi số 20.000 đồng; ba càng 276, 267 mỗi số 5.000 đồng. Sáu đã trả đủ 50.000 đồng và không trúng thưởng.

Tổng số tiền T bán số lô, số đề ngày 13 tháng 11 năm 2020: 69.000 đồng + 2.250.000 đồng + 937.000 đồng + 20.000 đồng + 476.000 đồng + 1.608.000 đồng + 3.125.000 đồng + 102.000 đồng + 106.000 đồng + 40.000 đồng + 180.000 đồng + 10.000 đồng + 50.000 đồng + 120.000 đồng + 50.000 đồng = 9.143.000 đồng. Tổng số tiền trúng thưởng là 10.480.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền T đánh bạc ngày 13 tháng 11 năm 2020 là 9.143.000 đồng + 10.480.000 = 19.623.000 đồng.

- Ngày 14 tháng 11 năm 2020, T bán số lô, số đề trái phép cho những người sau đây:

Khoảng 17 giờ 45 phút, ngày 14 tháng 11 năm 2020 khi T đang ở phòng khách nhà T thì có đối tượng tự khai là Nguyễn Văn T3, sinh năm 1992 trú tại xã M3, S, Hà Nội đến hỏi mua các số lô, số đề của T gồm có: Số đề 08, 80, 09, 90 mỗi số 10.000 đồng; số đề 55 là 7.000 đồng; số lô 90 là 10 điểm (23.000 đồng/01 điểm lô). T ghi các số đề bán cho Tuấn vào tích kê rồi đưa cho Tuấn, Tuấn cầm lấy tờ tích kê và đưa cho T 287.000 đồng thì T trả lại cho Tuấn 10.000 đồng. Lúc này Tuấn tiếp tục hỏi mua 10.000 đồng tiền đề. T đã đồng ý bán tiếp 10.000 đồng, thì đúng lúc này tổ công tác của Công an xã C, thành phố P đến kiểm tra hành chính phát hiện hành vi bán số lô, số đề của T và lập biên bản sự việc theo quy định của pháp luật. Tổng số tiền T bán số lô, số đề cho Tuấn là 287.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định cùng ngày 14 tháng 11 năm 2020, T còn bán số lô, số đề cho 11 đối tượng khác, cụ thể như sau:

1. Người đàn ông tên Hinh (không rõ họ tên đệm, tuổi, địa chỉ cụ thể): Các số đề 02, 57 mỗi số 5.000 đồng; Hinh đã trả đủ 10.000 đồng cho T.

2. Người đàn ông tên Vượng (không rõ họ tên đệm, tuổi, địa chỉ cụ thể): Các số đề 78, 86, 65 mỗi số 10.000 đồng; số lô 46, 87 mỗi số 5 điểm; tổng tiền mua số lô, số đề là 250.000 đồng, Vượng đã trả đủ tiền cho T.

3. Người đàn ông tên Tân (không rõ họ tên đệm, tuổi, địa chỉ cụ thể): Các số đề 02 là 20.000 đồng; số đề 20 là 10.000 đồng; 03 là 5.000 đồng; 30 là 10.000 đồng, Tân đã trả đủ 45.000 đồng cho T.

4. Người đàn ông tên Hùng (không rõ họ tên đệm, tuổi, địa chỉ cụ thể): Số đề 72 là 20.000 đồng. Hùng đã trả đủ 20.000 đồng cho T.

5. Người đàn ông tên Năm (không rõ họ tên đệm, tuổi, địa chỉ cụ thể): Số đề 65, 95 mỗi số 10.000 đồng, số đề 90 là 7.000 đồng. Tổng số tiền Năm mua số đề của T là 27.000 đồng; Năm đã trả đủ cho T.

6. Người đàn ông tên Tương (không rõ họ tên đệm, tuổi, địa chỉ cụ thể): Số đề 08, 80 mỗi số 10.000 đồng, số đề lô 80 là 10 điểm (22.000 đồng/01 điểm). Tương đã trả đủ 240.000 đồng cho T.

7. Một người nam giới không biết tên tuổi, địa chỉ ở đâu: Số đề có 5 (gồm 19 số) mỗi số 5.000 đồng, số đề 08 là 20.000 đồng; 80 là 30.000 đồng; 55 là 7.000 đồng; 08, 80, 90, 09 mỗi số 10.000 đồng. Số lô 90 là 10 điểm, 11 là 2 điểm (22.000 đồng/01 điểm). Tổng số tiền người nam giới này mua số đề của T là 456.000 đồng, đã trả đủ cho T.

8. Vũ T L, sinh năm 1947 ở phường X, thành phố P: Các số đề 98, 07 mỗi số 10.000 đồng; 58, 45 mỗi số 12.000 đồng; 08 là 15.000 đồng; 28 là 13.000 đồng; 13, 31, 91, 03, 30 mỗi số 5.000 đồng; 58, 19, 64 mỗi số 4.000 đồng; 18, 85, 48, 84, 45, 54, 39, 93, 59, 95, 36, 63, 37, 73 mỗi số 3.000 đồng; 35, 53 mỗi số 25.000 đồng; số đề đầu 0 và đít 0 (20 số) mỗi số 10.000 đồng. Lô xiên 3: 15 - 69 - 91 là 50.000 đồng; số lô 26, 09, 90 mỗi số 10 điểm (22.000 đồng/01 điểm lô). Tổng tiền ông L mua số lô, số đề là 1.111.000 đồng, đã T toán đủ. Ông L không trúng thưởng.

9. Lê Xuân V, sinh năm 1956 ở xã C, Thành phố P: Các số đề 99 là 70.000 đồng; 77 là 35.000 đồng; 33 là 25.000 đồng; 22 là 20.000 đồng; 00 là 15.000 đồng;

44, 55, 66, 80, 79, 88 mỗi số 10.000 đồng; 11, 68, 50, 67, 08, 30, 02 mỗi số 8.000 đồng; 98, 90, 92, 27, 72, 01, 49, 58, 97, 73, 09, 05, 28, 38, 83, 04, 40, 19, 60, 48, 53, 20 mỗi số 5.000 đồng; 18, 54 mỗi số 4.000 đồng; 82, 12, 41, 89, 29, 10, 93, 26, 69, 25, 45, 03, 91, 51, 06, 13 mỗi số 3.000 đồng. Tổng số tiền ông V1 mua số đề của T là 447.000 đồng, đã trả đủ tiền.

10. Người đàn ông tên Quang (không rõ họ tên đệm, tuổi, địa chỉ cụ thể): Các số lô 12, 21, 37, 73, 10 mỗi số 0,5 điểm (23.000 đồng/01 điểm lô); số đề 37, 73, 03, 30, 83, 38, 06, 60, 08, 80 mỗi số 1.000 đồng. Tổng số tiền mua số lô, số đề của Quang là 67.500 đồng, T làm tròn thành 67.000 đồng; đã trả đủ tiền.

11. Người đàn ông tên là Thức (không rõ họ, tên đệm, tuổi, địa chỉ cụ thể): Các số đề 49, 94 mỗi số 20.000 đồng; số đề có 0 (Gồm 19 số) mỗi số 30.000 đồng; 05, 50, 03, 30, 40, 04 mỗi số 40.000 đồng; 59, 95, 34 mỗi số 30.000 đồng; 00, 99, 44 mỗi số 60.000 đồng; 33, 55 mỗi số 30.000 đồng; 45, 54, 52, 14, 41, 32, 37 mỗi số 25.000 đồng; 75, 57, 25 mỗi số 15.000 đồng; số đề có 5 (Gồm 19 số) mỗi số 5.000 đồng; 45, 54, 49, 94 mỗi số 15.000 đồng; 08, 80 mỗi số 10.000 đồng. Các số lô 80 là 5 điểm; 08, 30, 07 mỗi số 3 điểm (21.800 đồng/01 điểm lô). Tổng số tiền mua số lô, số đề của Thức là 1.880.200 đồng, Thức chưa trả số tiền này cho T.

Tổng số tiền T đánh bạc ngày 14 tháng 11 năm 2020 là: 287.000 đồng + 10.000 đồng + 250.00 đồng + 45.000 đồng + 20.000 đồng + 27.000 đồng + 240.000 đồng + 456.000 đồng + 1.111.000 đồng + 447.000 đồng + 67.000 đồng + 1.880.200 đồng = 4.840.200 đồng.

* Đối với những hình ảnh có ghi các số lô, số đề trước ngày 12/11/2020 lưu trong điện thoại di động của T. T khai chiếc điện thoại mua ở Hà Nội vào ngày 09/11/2020:

Ngày 21/12/2020, cơ quan điều tra ra Quyết định trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc tiến hành giám định kỹ thuật số, điện tử đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme, số imei1: 862486044193934 và imei 2: 862486044193926 cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo T. Ngày 01 tháng 01 năm 2021, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc ra Bản kết luận giám định đã trích xuất được hình ảnh, tin nhắn trong chiếc điện thoại gửi giám định đồng thời sao in nội dung giám định sang đĩa DVD.

Căn cứ vào các hình ảnh có trong bản kết luận nêu trên, ngoài các hình ảnh T chụp lại các tờ giấy mà T đã bán số lô, số đề trong các ngày 12/11/2020; 13/11/2020 và 14/11/2020, trong điện thoại của T còn có các hình ảnh chụp các tờ giấy có ghi các số lô, số đề từ ngày 06/6 đến ngày 07/11 (không ghi rõ năm nào). Quá trình điều tra xác định các hình ảnh này có sẵn trong điện thoại di động nhãn hiệu Realme mà T đã mua lại tại một cửa hàng mua bán điện thoại ở Hà Nội, T không nhớ vị trí, tên cửa hàng cụ thể), khi mua điện thoại đem về nhà, T phát hiện trong máy điện thoại vẫn còn lưu trữ rất nhiều hình ảnh của người sử dụng trước đó đã chụp lại các tờ giấy có ghi các số lô, số đề chưa xóa, lúc này T đã nảy sinh ý định bán số lô, số đề để thu lời bất chính nên T đã nghiên cứu cách thức bán số lô, đề trong các giấy tờ trên, sau đó T đã xóa khỏi thư mục ảnh nhưng vẫn lưu trong bộ nhớ của máy điện thoại di động. Sau khi nghiên cứu xong cách thức bán lô, đề, các ngày 12, 13, 14/11/2020 T đã bán các số lô, số đề như đã nêu trên.

Đối với người sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme trước khi bán cho T và những người mua các số lô, đề được lưu trữ hình ảnh trong chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme có trước khi bán cho T ngày 09/11/2020, đến nay cơ quan điều tra không xác định được nên tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

* Đối với đối tượng Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1983; trú tại tổ 3, phường Hùng Vương, Thành phố P. Trong giai đoạn điều tra Lê Hồng T khai: vào ngày 10/11/2020 hoặc 11/11/2020 T tình cờ gặp anh Nguyễn Mạnh C ở một quán nước ở thành phố P thì qua nói chuyện T được C nói nếu có số lô, số đề thì chuyển cho C, sau đó C cho T số điện thoại 0981.957.371 có tài khoản Zalo T lưu số này là “A. Bà Tuất Phúc Yên”, C bảo T cứ lưu như thế cho dễ nhớ (C nói bà Tuất là mẹ đẻ của C). Sau đó ngày 12/11/2020; 13/11/2020 và 14/11/2020 sau khi bán lô, đề cho khách thì Lê Hồng T đã chuyển bằng một số lô, số đề cho C, còn một số thì T tự ôm. Tuy nhiên căn cứ vào: Kết luận giám định kỹ thuật số, điện tử đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng thu giữ của Nguyễn Mạnh C kết luận: *Không đọc được dữ liệu lưu trữ trong máy điện thoại gửi giám định (Do máy điện thoại đã bị vô hiệu hóa). Không tìm thấy dữ liệu tin nhắn lưu trữ trong thẻ sim kèm theo.*

- Trong giai đoạn điều tra anh Nguyễn Mạnh C không thừa nhận hành vi nhận bằng lô, đề của bị cáo T. Từ trước đến nay anh C chỉ sử dụng duy nhất 01 số điện thoại 0986.437.488; không sử dụng số điện thoại 0981.957.371 và tài khoản Zalo “A. Bà Tuất Phúc Yên”. Cơ quan điều tra Công an thành phố P tiến hành làm việc với bố mẹ đẻ của anh C xác định C không sử dụng số 0981.957.371 mà từ trước đến nay anh C chỉ sử dụng duy nhất một số điện thoại là: 0986.437.488. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho bị cáo Lê Hồng T đối chất với anh Nguyễn Mạnh C nhưng anh C không thừa nhận, không làm rõ được hành vi của C có nhận bằng lô, đề của bị cáo T.

- Ngày 29/01/2021, cơ quan điều tra ra lệnh thu giữ thư tín điện tín đối với số thuê bao 0981.957.371, đến ngày 09/02/2021, Tập đoàn công nghiệp viễn thông quân đội có công văn trả lời số thuê bao 0981.957.371 có chủ thuê bao đăng ký là Phạm Ngọc S1, sinh năm 1977 ở Tiền Châu, Thành phố P. Tuy nhiên khi làm việc với cơ quan điều tra, anh Phạm Ngọc S1 khẳng định từ trước đến nay anh Sáng không đăng ký và sử dụng số điện thoại 0981.957.371 nêu trên. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P tiến hành làm việc với bố mẹ đẻ và vợ của Phạm Ngọc S1 xác định Sáng không sử dụng số điện thoại 0981.957.371 mà từ trước đến nay Sáng chỉ sử dụng duy nhất số điện thoại: 0975.262.476 đăng ký chính chủ tên anh Sáng với tài khoản zalo “Ko Tin” đăng ký bằng số điện thoại 0975.262.476.

- Quá trình kiểm tra điện thoại nhãn hiệu Realme thu giữ của Lê Hồng T. Tại mục tin nhắn Zalo: Kiểm tra trang cá nhân được đăng ký tên “LehongT” – Tin nhắn với tài khoản Zalo “A. Bà Tuất Phúc Yên” được đăng ký bằng số điện thoại 0981.957.371 có nội dung:

Tin nhắn đi, thời gian 19 giờ 00 ngày 12/11/2020: -1790 (nghĩa là ngày 12/11/2020 T thua C số tiền 1.790.000 đồng, còn cụ thể các số lô, số đề T không rõ).

Tin nhắn đi, thời gian 17 giờ 20 ngày 13/11/2020: Ảnh chụp 01 tờ giấy bên trong ghi nội dung: Ngày 13/11/2020: 239, 93, 91, 59, 95 × 5; 62, 19, 13, 31, 69, 96, 67, 23, 32 × 4; 98, 80, 76, 37, 73 × 3; 03, 30 × 25; 09, 90 × 23; 07, 70 × 20; 53 × 25; Lô 15, 31, 92 × 10 điểm (Tổng số tiền lô, đề T chuyển cho C là 895.800 đồng, so sánh kết quả trúng số lô 31 là 800.000 đồng, tổng là 1.695.800 đồng. Tin nhắn đi, thời gian 16 giờ 40 ngày 14/11/2020: Ảnh chụp 01 tờ giấy bên trong ghi nội dung: 14-11; 99 × 70; 77 × 35; 33 × 25; 22 × 20; 00 × 15; 44, 55, 66, 80, 79, 88 × 10; 11, 68, 50, 67, 08, 30, 02 × 8; 98, 90, 92, 27, 72, 01, 49, 58, 97, 73, 09, 05, 28, 38, 83, 04, 40, 19, 60 48, 53, 20 × 5; 18, 15 × 4; 82, 12, 41, 89, 29, 10, 93, 26, 69, 25, 45, 03, 91, 51, 06, 13 × 3 (Tổng số tiền đề là 447.000 đồng).

Quá trình điều tra xác định C là người bị khuyết tật trí tuệ nặng và khuyết tật cơ thể; quá trình làm việc C khai báo không nhận bằng lô, số đề của T; tài khoản Zalo “A. Bà Tuất Phúc Yên” được đăng kí bằng số điện thoại 0981.957.371 không phải của C. Do đó không có căn cứ chứng minh hành vi đánh bạc của C.

Đối với hành vi đánh bạc của T với các đối tượng vào ngày 14/11/2020 với tổng số tiền là 4.840.200 đồng (dưới 5.000.000 đồng). Bản thân T chưa có tiền án, tiền sự về tội quy định tại các Điều 321, 322 Bộ luật hình sự nên không cấu thành tội Đánh bạc mà chỉ vi phạm vào khoản 1, Điều 26, Nghị định 167/2013/NĐ - CP ngày 12 tháng 11 năm 2013. Tuy nhiên đến nay đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối T theo quy định tại Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Đối với hành vi đánh bạc của Nguyễn Duy V với T vào ngày 12/11/2020 với tổng số tiền là 4.150.000 đồng (dưới 5.000.000 đồng). Bản thân V chưa có tiền án, tiền sự về tội quy định tại các Điều 321, 322 Bộ luật hình sự, nên hành vi không cấu thành tội phạm, chỉ vi phạm vào khoản 1, Điều 26, Nghị định 167/2013/NĐ - CP ngày 12 tháng 11 năm 2013. Tuy nhiên đến nay đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối V, theo quy định tại Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Đối với người nam giới tự khai là Nguyễn Văn T3, sinh năm 1992; trú tại xã M3, S, Hà Nội là người đã mua số lô, số đề của bị cáo Lê Hồng T ngày 14/11/2020 cơ quan điều tra đã xác minh tại xã M3, S, Thành phố Hà Nội, tuy nhiên không có công dân nào có họ tên như nêu trên, tiếp tục làm rõ xử lý sau.

Đối với những người mua số lô, số đề của T gồm: Tân, Vượng, Hoa, Liêm, Nghị, Kế, Thức, Quang, Hình, Hùng, Anh, Sáu, Năm, Tương, người nam giới T và người nam giới T không rõ tên tuổi. Quá trình điều tra đến nay không làm rõ được nhân thân lai lịch địa chỉ cụ thể, cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ xử lý sau.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2023/HSST ngày 22 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố P đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Lê Hồng T, Nguyễn Duy V phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Hồng T 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy V 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/01/2022 bị cáo Lê Hồng T và bị cáo Nguyễn Duy V có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo V vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo; bị cáo T vắng mặt nhưng trong đơn xin xét xử vắng mặt bị cáo trình bày vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa đã phát biểu quan điểm, phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Hồng T và Nguyễn Duy V, sửa quyết định của Bản án sơ thẩm 14/2023/HSST ngày 22 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố P. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Hồng T 01 năm 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm 04 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo V 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo T và bị cáo V làm trong thời hạn luật định, đơn hợp lệ nên được chấp nhận để xem xét giải quyết.

[2]. Về nội dung vụ án: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Bản án sơ thẩm đã tóm tắt nêu trên. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được cơ quan điều tra thu thập khách quan, đúng pháp luật. Từ đó có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 17 giờ 45 phút ngày 14/11/2020, tại nhà riêng của Lê Hồng T ở xã C, thành phố P, Công an xã C, thành phố P bắt quả tang T có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức bán số lô, số đề cho đối tượng tự khai Nguyễn Văn T3, sinh năm 1992; trú tại xã M3, huyện S1, Thành phố Hà Nội với số tiền là 287.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định T còn có hành vi bán số, số đề cho các đối tượng khác vào các ngày 12, 13, 14 tháng 11 năm 2020, cụ thể:

Ngày 12/11/2020 T bán số lô, số đề cho 11 đối tượng khác nhau với tổng số tiền là 11.154.000 đồng.

Ngày 13/11/2020 T bán số lô, số đề cho 15 đối tượng khác nhau với tổng số tiền là 19.623.000 đồng, Trong đó bị cáo T bán cho bị cáo Nguyễn Duy V các số lô, số đề với tổng số tiền là: 7.525.000 đồng.

Ngày 14/11/2020 ngoài bán số lô, số đề cho Tuấn bị bắt quả tang nêu trên, thì T còn bán cho 11 đối tượng khác với tổng số tiền là 4.840.200 đồng. Tất cả những lần đánh bạc trên và dưới 5.000.000 đồng T và các đối tượng đã T toán xong với nhau.

[3]. Với hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Lê Hồng T 01 năm 08 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy V 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4]. Xét đơn kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo T và bị cáo V, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trước khi phạm tội bị cáo T và bị cáo V đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo V phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo T còn có thời gian tham gia quân đội từ năm 1980 đến năm 1983 và có bố đẻ là ông Lê Mơi là thương binh trong kháng chiến chống Pháp hạng 3/4; bản thân bị cáo hiện đang bị bệnh hiểm nghèo (xơ gan giai đoạn F3-F4) nên được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo T phạm tội 02 lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự

[4.1]. Đối với bị cáo V tại cấp phúc thẩm bị cáo xuất trình thêm 01 Huy chương kháng chiến hạng nhì của ông Nguyễn Mỹ N là bố đẻ bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, nên bị cáo V được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo T quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm xuất trình 01 đơn trình bày nội dung, bị cáo hiện già yếu, mắc bệnh hiểm nghèo xơ gan giai đoạn cuối (F4), sức khỏe rất yếu, không đi lại được, không tự phục vụ được bản thân có nguy cơ đe dọa đến tính mạng (đơn có xác nhận của chính quyền địa phương).

[4.2]. Trước khi phạm tội bị cáo V và bị cáo T có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đáng được hưởng khoan hồng của pháp luật. Bị cáo T tuy phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội hai lần trở lên, tuy nhiên các lần phạm tội đều là tội phạm ít nghiêm trọng. Bản thân bị cáo luôn chấp hành tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Hơn nữa, bị cáo T đã cao tuổi (66 tuổi), bản thân bị cáo hiện đang bị mắc bệnh hiểm nghèo xơ gan giai đoạn cuối (F4), phải đi điều trị nội trú tại nhiều Bệnh viện (Bệnh viện Đa khoa khu vực Phúc Yên, Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Trung ương, Bệnh viện K74 Trung ương) sức khỏe hiện tại rất yếu,

việc vận động đi lại, sinh hoạt khó khăn phải có sự hỗ trợ của người thân; với đặc điểm nhân thân như trên có thể thấy, bị cáo T khó có khả năng gây nguy hiểm cho xã hội nữa. Vì vậy, bị cáo đáng được hưởng chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước, cũng như chính sách khoan hồng của pháp luật hình sự với người phạm tội

Từ phân tích trên, cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho các bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc là phù hợp.

[5]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6]. Về án phí: Bị cáo T và bị cáo V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Hồng T, sửa Bản án số 14/2023/HSST ngày 22 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc về hình phạt đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Hồng T 01 (Một) 08 (Tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (Ba) năm 04 (Bốn) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy V, sửa Bản án số 14/2023/HSST ngày 22 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc về hình phạt đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy V 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Hồng T cho Ủy ban nhân dân phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; bị cáo Nguyễn Duy V cho Ủy ban nhân dân xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Bị cáo T và bị cáo V không phải chịu án phí phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tp Phúc Yên;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Phòng HS - CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND Tp P;
- CATp P;
- Chi cục THADS Tp P;
- Thi hành án hình sự;
- các bị cáo;
- Lưu HS, Toà HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Xuân Trọng